

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2019/ HNGĐ-ST

Ngày 28/11/2019

V/v Tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Phụng

2. Ông Nguyễn Đình Bân

Thư ký phiên toà: bà Lê Thị Thùy Trang – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện

Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Nguyễn Thức, Hộ khẩu thường trú: thôn A, xã ĐM huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Trung Tiên, địa chỉ: thôn A, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt lần thứ hai không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2019 và tại phiên Toà hôm nay nguyên đơn chị Huỳnh Thị Nguyễn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013, chị Huỳnh Thị Nguyễn T và anh Nguyễn Trung T1 tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh T1 có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Cuối năm 2013, anh T1 ngoại tình và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người tình nên bị kết án 02 năm tù. Thời gian này chị T cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng khi trở về anh T1 vẫn không thay đổi tính tình. Đến đầu năm 2016, anh T1 tiếp tục cờ bạc, nợ nần, không chăm lo cho gia đình, chị T nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả. Tháng 11/2018, anh T1 vay nợ nóng để cờ bạc,

không trả được nợ nên bỏ trốn, từ đó anh T1 chỉ liên lạc về với chị T qua điện thoại, không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con.

Nay chị T xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung T1 để chị được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: vợ chồng có 02 cháu là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 30/4/2013 và Nguyễn Thành V, sinh ngày 15/12/2015, hiện đang sống với mẹ. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung chị T khai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Trung T1 đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu yêu cầu và ý kiến, không tham gia giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Huỳnh Thị Nguyên T thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn Nguyễn Trung Tiến, trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác hợp lệ nhưng nhiều lần có biểu hiện lẩn tránh, không hợp tác, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do chính đáng là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh T1 đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T1. Về con chung đề nghị giao 02 cháu Nguyễn Thị Kim O (sinh ngày 30/4/2013) và Nguyễn Thành V (sinh ngày 15/12/2015) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung chị T khai không có và không yêu cầu Tòa can thiệp, anh T1 vắng mặt không nêu ra ý kiến và yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Trung T1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ tham gia giải quyết vụ án nhưng cố tình

trốn tránh, không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Nguyễn Trung T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Nguyên T và anh Nguyễn Trung T1 thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của anh T1, chị T thì thấy: Theo chị T trình bày, trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh T1 ngoại tình, cờ bạc, nợ nần, thiếu trách nhiệm với vợ con. Đến cuối năm 2018, anh T1 bỏ đi, từ đó vợ chồng sống ly thân, chỉ liên lạc qua điện thoại, anh T1 cũng không có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các con cùng chị T. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho thấy anh T1 và chị T có xác lập quan hệ vợ chồng và có 02 con chung, nhưng trong thời gian chung sống anh T1 có quan hệ tình cảm với nhiều người, còn cờ bạc nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Hiện nay anh T1 đi làm ăn xa, không rõ địa chỉ cư trú, thỉnh thoảng có về nhà nhưng không rõ thời gian cụ thể, mọi liên lạc về địa phương đều thực hiện qua điện thoại.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh T1, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Xét lời khai của chị T về quan hệ con chung phù hợp với các chứng cứ, tài liệu về hộ tịch và kết quả xác minh tại địa phương, thể hiện anh T1 và chị T có hai con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 30/4/2013 và Nguyễn Thành V, sinh ngày 15/12/2015. Hiện nay anh T1 không có mặt tại địa phương, các con chung do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ổn định. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao hai cháu Nguyễn Thị Kim O và Nguyễn Thành V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và không trái pháp luật.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị T khai không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Anh T1 vắng mặt không nêu ra ý kiến và yêu cầu của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử tách yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung vợ chồng để giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu khởi kiện theo thủ tục chung.

[2.4] *Về án phí:* Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị T phải chịu án phí kiện xin ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên xử cho chị Huỳnh Thị Nguyên T được ly hôn với anh Nguyễn Trung Tiến.

- *Về con chung:* Giao cho chị Huỳnh Thị Nguyên T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Nguyễn Thị Kim O (sinh ngày 30/4/2013) và Nguyễn Thành V (sinh ngày 15/12/2015) cho đến khi các cháu O và V đủ 18 tuổi.

Chị Huỳnh Thị Nguyên T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Trung T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Án phí kiện xin ly hôn số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) chị Huỳnh Thị Nguyên T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) chị T đã nộp theo biên lai thu số 003383 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Đ.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND H. Đ
- UBND xã ĐM
- Chi cục THADS H.Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Linh

